TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HNGĐ-ST
Ngày 15-8-2017
V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải.
2. Ông Trần Hùng Dũng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên toà: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017 về việc không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1977.
Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.
2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1972.
Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu Chị Nguyễn Thị T (nguyên đơn) trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh B chung sống với nhau từ năm 1993, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám tuyên bố nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2015 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do anh B thường xuyên cờ bạc, rượu chè, không quan tâm đến gia đình, vợ con, đã sống ly thân từ tháng 02-2015

cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T yêu cầu không công nhận giữa chị và anh B là vợ chồng.

- Về con chung: Chị và anh B có 02 người con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 14-01-1994 (nam) và Nguyễn Thanh A, sinh ngày 31-3-1998 (nam). Các cháu đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị T không còn yêu cầu hay trình bày gì khác.

Đối với anh Nguyễn Thanh B là bị đơn đã được Tòa án tống đạt, niêm yết giấy triệu tập hợp lệ nhưng không cung cấp bản tự khai và không tham gia giải quyết vụ án.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn, anh B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không chấp hành pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Về con chung: Chị T và anh B có hai người con chung đã tưởng thành, tự lao động sinh sống được, nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí theo pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Thanh B tuy vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thanh B sống chung với nhau từ năm 1993, mặc dù đã có con chung nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, thì không công nhận là vợ chồng.

- Về con chung: Chị T và anh B có hai người con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không có yêu cầu, nên không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên bố: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thanh B là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị T và anh B có hai người con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0020706 ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Chị T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thanh B không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Lợi Thuận;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

NGUYỄN VĂN ĐOÀN